

Số: 118 /BC-UBND

Bà Rịa, ngày 27 tháng 6 năm 2022

BÁO CÁO

Tình hình ước thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm và kế hoạch thu, chi ngân sách nhà nước 6 tháng cuối năm 2022

Căn cứ Nghị quyết 45/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi và phân bổ dự toán ngân sách địa phương năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 2994/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022 Huyện Bà Rịa;

Căn cứ Nghị quyết 51/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân huyện Bà Rịa về việc dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết 52/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân huyện Bà Rịa về kế hoạch đầu tư công năm 2022;

Căn cứ kết quả thu, chi ngân sách từ đầu năm đến nay, Ủy ban nhân dân huyện Bà Rịa báo cáo tình hình thực hiện thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm và kế hoạch thu, chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2022 như sau:

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU, CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

I. Thu ngân sách:

Ước thực hiện tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện 6 tháng đầu năm 2022 là 582 tỷ 489 triệu đồng, đạt 58,51% so với kế hoạch tỉnh giao và đạt 57,87% so với kế hoạch HĐND huyện giao, trong đó thu cân đối ngân sách là 314 tỷ 827 triệu đồng, đạt 45,15% so với kế hoạch tỉnh giao và đạt 44,45% so với kế hoạch HĐND huyện giao.

1. Thu trên địa bàn: 390 tỷ 489 triệu đồng, đạt 63,76% so với kế hoạch tỉnh giao và HĐND huyện giao. Trong đó thu huyện hưởng: 122 tỷ 827 triệu đồng, bao gồm các nguồn thu:

- Thuế ngoài quốc doanh	207 tỷ 070 triệu đồng
- Thuế trước bạ	12 tỷ 739 triệu đồng
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	770 triệu đồng
- Tiền cho thuê đất, mặt nước	12 tỷ 083 triệu đồng
- Tiền sử dụng đất	96 tỷ 336 triệu đồng

- Phí và lệ phí	3 tỷ 724 triệu đồng
- Thuế thu nhập cá nhân	43 tỷ 510 triệu đồng
- Thu khác ngân sách	14 tỷ 257 triệu đồng

2. Thu bổ sung ngân sách cấp trên: 192 tỷ 000 triệu đồng, đạt 50,13% so với kế hoạch tỉnh giao và HĐND huyện giao.

II. Chi ngân sách:

Ước thực hiện tổng chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2022 là 269 tỷ 440 triệu đồng, đạt 38,64% so với kế hoạch tỉnh giao và đạt 38,04% so với kế hoạch HĐND huyện giao.

1. Chi đầu tư xây dựng cơ bản: (Nguồn vốn đưa vào cân đối NS huyện)

Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2022 là 57 tỷ 402 triệu đồng, đạt 52,83% so kế hoạch tỉnh giao và đạt 29,55% so với kế hoạch HĐND huyện giao.

Trong đó:

- Vốn phân cấp theo tiêu chí: 50 tỷ 245 triệu đồng
- Vốn ngân sách huyện: 7 tỷ 157 triệu đồng

2. Chi thường xuyên: 212 tỷ 038 triệu đồng, đạt 36,89% so kế hoạch tỉnh giao và đạt 36,96% HĐND huyện giao.

a) Chi sự nghiệp kinh tế: 2 tỷ 777 triệu đồng, đạt 2,18% so kế hoạch tỉnh giao và đạt 4,49% HĐND huyện giao.

b) Sự nghiệp giáo dục – đào tạo dạy nghề: 75 tỷ 470 triệu đồng, đạt 45,34% so kế hoạch tỉnh giao và đạt 37,74% HĐND huyện giao.

c) Sự nghiệp y tế: 14 tỷ 694 triệu đồng, đạt 67,93% so kế hoạch tỉnh giao và đạt 44,53% HĐND huyện giao.

d) Sự nghiệp văn hóa thông tin – thể dục thể thao: 2 tỷ 466 triệu đồng, đạt 33,68% so với kế hoạch tỉnh giao và đạt 27,40% kế hoạch HĐND huyện giao.

e) Sự nghiệp phát thanh truyền hình: 847 triệu đồng, đạt 14,93% so với kế hoạch tỉnh giao và đạt 33,88% kế hoạch HĐND huyện giao.

f) Sự nghiệp khoa học công nghệ: 1 tỷ 015 triệu đồng, đạt 145,00% so với kế hoạch tỉnh giao và đạt 25,38% HĐND huyện giao.

g) Chi đảm bảo xã hội: 14 tỷ 077 triệu đồng, đạt 51,81% so với kế hoạch tỉnh giao và đạt 50,28% HĐND huyện giao.

h) Chi quản lý hành chính: 21 tỷ 050 triệu đồng, đạt 26,01% so kế hoạch tỉnh giao và đạt 30,96% kế hoạch HĐND huyện giao.

i) Chi an ninh quốc phòng: 10 tỷ 323 triệu đồng, đạt 20,88% so kế hoạch tỉnh giao và đạt 38,23% kế hoạch HĐND huyện giao.

j) Chi khác ngân sách: 211 triệu đồng, đạt 024% so kế hoạch tỉnh giao và đạt 1,46% HĐND huyện giao.

k) Chi ngân sách xã: 69 tỷ 108 triệu đồng, đạt 54,87% HĐND huyện giao.

III. Đánh giá thực hiện thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2022:

Công tác điều hành và quản lý ngân sách 6 tháng đầu năm 2022 đạt nhiều thuận lợi do được sự quan tâm chỉ đạo thường xuyên, liên tục và kịp thời của Thường trực Huyện ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân và sự nỗ lực, phấn đấu của ngành thuế, sự phối hợp đồng bộ của các ngành, của cấp ủy và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn nên các nguồn thu được huy động kịp thời vào ngân sách, cùng với nguồn trợ cấp của ngân sách tỉnh đã đáp ứng các nhu cầu và nhiệm vụ chi cần thiết của địa phương, góp phần hoàn thành các nhiệm vụ chính trị, đảm bảo trật tự, an toàn xã hội và phát triển kinh tế trên địa bàn huyện.

Tuy nhiên với những thuận lợi cơ bản nêu trên, trong công tác quản lý và điều hành ngân sách 6 tháng đầu năm 2022 vẫn còn khó khăn như sau:

Do thực hiện các Nghị định về gia hạn thời gian nộp thuế, miễn, giảm thuế Chính phủ ban hành trong năm 2022; Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2022 Quy định chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định số 34/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 về Gia hạn thời gian nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2022.

Bên cạnh đó mặc dù dịch bệnh không còn phức tạp và có chiều hướng giảm tuy nhiên cũng ảnh hưởng phần nào đến việc thu ngân sách, như tiền thuê đất thu chưa đạt dự toán tỉnh giao 153 tỷ 143 triệu đồng; thu 6 tháng đầu năm 12 tỷ 083 triệu đồng ước thu cả năm 47 tỷ 400 triệu đồng; hụt thu 105 tỷ 743 triệu đồng. Tiền thuế này huyện hưởng 100%, như vậy huyện mất cân đối ngân sách trên dưới 100 tỷ đồng trong năm 2022.

Việc chuẩn bị hồ sơ đầu tư xây dựng của đại diện chủ đầu tư, đơn vị tư vấn chưa chú trọng công tác quản lý chất lượng hồ sơ thiết kế, nhiều hồ sơ không đủ thành phần, nội dung và chất lượng chưa đạt yêu cầu và chưa chủ động xây dựng tiến độ thực hiện kế hoạch phù hợp với thời gian dự án được phê duyệt, từ đó xác định nhu cầu sử dụng vốn không sát với tiến độ triển khai và khả năng giải ngân thực tế, gây khó khăn trong quản lý, điều hành kế hoạch vốn chung của huyện.

B. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN THU, CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG CUỐI NĂM 2022:

I. Thu ngân sách:

Kế hoạch thực hiện tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện 6 tháng cuối năm 2022 là 486 tỷ 153 triệu đồng (*lũy kế đến hết năm 2022 là 1.068 tỷ 642 triệu đồng, đạt 107,34% so với kế hoạch tỉnh giao và đạt 106,16% so với*

kế hoạch HĐND huyện giao), trong đó: Thu cân đối ngân sách là 276 tỷ 565 triệu đồng (lũy kế đến hết năm 2022 là 591 tỷ 392 triệu đồng, đạt 84,81% so với kế hoạch tỉnh giao và đạt 83,49% so với kế hoạch HĐND huyện giao).

1. Thu trên địa bàn: 295 tỷ 187 triệu đồng (lũy kế đến hết năm 2022 là 685 tỷ 676 triệu đồng, đạt 111,96% so với kế hoạch tỉnh giao và HĐND huyện giao). Trong đó thu huyện hưởng: 85 tỷ 599 triệu đồng, bao gồm các nguồn thu:

- Thuế ngoài quốc doanh	65 tỷ 130 triệu đồng
- Thuế trước bạ	11 tỷ 261 triệu đồng
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp:	2 tỷ 130 triệu đồng
- Tiền cho thuê đất, mặt nước	35 tỷ 317 triệu đồng
- Tiền sử dụng đất	144 tỷ 848 triệu đồng
- Phí và lệ phí	3 tỷ 076 triệu đồng
- Thuế thu nhập cá nhân	17 tỷ 682 triệu đồng
- Thu khác ngân sách	15 tỷ 743 triệu đồng

2. Thu bổ sung ngân sách cấp trên: 190 tỷ 966 triệu đồng (lũy kế đến hết năm 2022 là 382 tỷ 966 triệu đồng, đạt 100% so với kế hoạch tỉnh giao và HĐND huyện giao).

II. Chi ngân sách:

Kế hoạch thực hiện tổng chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2022 là 422 tỷ 894 triệu đồng (lũy kế đến hết năm 2022 là 692 tỷ 334 triệu đồng, đạt 99,28% so với kế hoạch tỉnh giao và đạt 97,74% với kế hoạch HĐND huyện giao).

1. Chi đầu tư xây dựng cơ bản: (Nguồn vốn đưa vào cân đối NS huyện)

Kế hoạch thực hiện trong 6 tháng cuối năm 2022 là 61 tỷ 244 triệu đồng (lũy kế đến hết năm 2022 là 118 tỷ 646 triệu đồng, đạt 109,20% so với kế hoạch tỉnh giao và đạt 100% so với kế hoạch HĐND huyện giao).

Trong đó:

- Vốn phân cấp theo tiêu chí: 58 tỷ 401 triệu đồng
- Vốn ngân sách huyện: 2 tỷ 843 triệu đồng

2. Chi thường xuyên: 361 tỷ 650 triệu đồng (lũy kế đến hết năm 2022 là 573 tỷ 688 triệu đồng, đạt 99,82% so với kế hoạch tỉnh giao và đạt 100% HĐND huyện giao).

a) Chi sự nghiệp kinh tế: 59 tỷ 023 triệu đồng (lũy kế đến hết năm 2022 là 61 tỷ 800 triệu đồng, đạt 48,40% so với kế hoạch tỉnh giao và đạt 100% HĐND huyện giao).

b) Sự nghiệp giáo dục – đào tạo dạy nghề: 124 tỷ 530 triệu đồng (lũy kế đến hết năm 2022 là 200 tỷ 000 triệu đồng, đạt 120,15% so với kế hoạch tỉnh giao và đạt 100% HĐND huyện giao).

c) Sự nghiệp y tế: 18 tỷ 306 triệu đồng (lũy kế đến hết năm 2022 là 33 tỷ 000 triệu đồng, đạt 152,57% so với kế hoạch tỉnh giao và đạt 100% HĐND huyện giao).

d) Sự nghiệp văn hóa thông tin – thể dục thể thao: 6 tỷ 534 triệu đồng (lũy kế đến hết năm 2022 là 9 tỷ 000 triệu đồng, đạt 122,93% so với kế hoạch tỉnh giao và đạt 100% HĐND huyện giao).

e) Sự nghiệp phát thanh truyền hình: 1 tỷ 653 triệu đồng (lũy kế đến hết năm 2022 là 2 tỷ 500 triệu đồng, đạt 44,08% so với kế hoạch tỉnh giao và đạt 100% HĐND huyện giao).

f) Sự nghiệp khoa học công nghệ: 2 tỷ 985 triệu đồng (lũy kế đến hết năm 2022 là 4 tỷ 000 triệu đồng, đạt 571,43% so với kế hoạch tỉnh giao và đạt 100% HĐND huyện giao).

g) Chi đảm bảo xã hội: 13 tỷ 923 triệu đồng (lũy kế đến hết năm 2022 là 28 tỷ 000 triệu đồng, đạt 103,04% so với kế hoạch tỉnh giao và đạt 100% HĐND huyện giao).

h) Chi quản lý hành chính: 46 tỷ 950 triệu đồng (lũy kế đến hết năm 2022 là 68 tỷ 000 triệu đồng, đạt 84,02% so với kế hoạch tỉnh giao và đạt 100% HĐND huyện giao).

i) Chi an ninh quốc phòng: 16 tỷ 677 triệu đồng (lũy kế đến hết năm 2022 là 27 tỷ 000 triệu đồng, đạt 54,62% so với kế hoạch tỉnh giao và đạt 100% HĐND huyện giao).

j) Chi khác ngân sách: 14 tỷ 225 triệu đồng (lũy kế đến hết năm 2022 là 14 tỷ 436 triệu đồng, đạt 16,45% so với kế hoạch tỉnh giao và đạt 100% HĐND huyện giao).

k) Chi ngân sách xã: 56 tỷ 844 triệu đồng (lũy kế đến hết năm 2022 là 125 tỷ 952 triệu đồng, đạt 100% HĐND huyện giao).

III. Giải pháp thực hiện:

1. Chi cục Thuế khu vực Bến Cát tăng cường phối hợp với Cục Thuế, các ngành có liên quan:

- Khai thác các nguồn thu trên địa bàn theo phạm vi quản lý, tập trung rà soát các nguồn thu đạt thấp so với dự toán Tỉnh giao năm 2022, chống thất thu thuế, trốn thuế và quản lý chặt chẽ các nguồn thu phí, lệ phí phải đảm bảo thu đúng, thu đủ theo quy định.

Tổ chức triển khai kịp thời các chính sách thuế của Nhà nước mới ban hành. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục nhằm nâng cao sự hiểu biết của người dân trong việc thực hiện tốt nghĩa vụ nộp thuế.

Tập trung đôn đốc, xử lý thu hồi nợ đọng thuế, không để gia tăng thêm số nợ thuế mới.

Thực hiện chi thường xuyên kịp thời, tiết kiệm theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2022.

Tăng cường công tác quản lý thu, đôn đốc xử lý, thu hồi nợ đọng, phấn đấu tăng thu ở những lĩnh vực, địa bàn có điều kiện để bù đắp số giảm thu do ảnh hưởng của dịch bệnh, có thêm nguồn lực chi cho phòng, chống dịch và hỗ trợ người dân, đảm bảo an sinh xã hội, đảm bảo cân đối NSNN năm 2022. Đồng thời, tiếp tục huy động thêm các nguồn tài trợ, đóng góp tự nguyện của cộng đồng doanh nghiệp, người dân để chi cho công tác phòng chống Covid-19, giảm áp lực cho cân đối NSNN.

2. Để thực hiện hoàn thành Kế hoạch vốn đầu tư công những tháng còn lại trong năm 2022, Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo đại diện chủ đầu tư, các đơn vị có liên quan cần tập trung thực hiện một số giải pháp cụ thể như sau:

Tập trung thực hiện giải ngân vốn các công trình trọng điểm, các dự án đền bù, giải phóng mặt bằng, triển khai thực hiện, nghiệm thu và thanh toán các công trình chuyên tiếp có khối lượng nhằm đẩy nhanh tiến độ giải ngân; các chủ đầu tư khẩn trương cập nhật đơn giá theo hướng dẫn của Sở Xây dựng trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Hoàn chỉnh một số hồ sơ công trình khởi công mới để thực hiện các bước tạm ứng vốn khi có hợp đồng thi công theo đúng quy định. Phấn đấu đạt tỷ lệ giải ngân trên 60% đến ngày 30/9/2022.

Tập trung rà soát kỹ các danh mục, các dự án đầu tư công, nắm bắt tình hình triển khai từng dự án để có kế hoạch điều hòa vốn cho các công trình đẩy nhanh tiến độ giải ngân hoặc điều chuyển vốn sang các công trình khác, dự án khác có khối lượng giải ngân nhằm đạt kế hoạch năm 2022.

Các cơ quan thẩm định ưu tiên rút ngắn thời gian tổ chức thẩm định các bước trong đầu tư công đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả đúng định mức, đơn giá; đồng thời hỗ trợ các chủ đầu tư tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện dự án, đặc biệt là các công trình trọng điểm, các dự án đền bù giải phóng mặt bằng.

Rà soát các danh mục công trình được giao nhiệm vụ chủ đầu tư và bố trí vốn chuẩn bị đầu tư nhiều năm nhưng triển khai chậm hoặc không triển khai các bước chuẩn bị đầu tư thống nhất dừng hoặc chuyển giao nhiệm vụ chủ đầu tư.

Đại diện các chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ thi công xây dựng và thực hiện thanh toán vốn ngay khi có khối lượng hoàn thành được nghiệm thu theo quy định để thu hồi tạm ứng không để dồn thanh toán vào cuối năm.

Trên đây là báo cáo tình hình ước thực hiện thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm và kế hoạch thu, chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Bàu Bàng. / *DN*

Nơi nhận: *LSA*

- UBND tỉnh Bình Dương;
- TT.HU, TT.HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Các Đại biểu HĐND huyện;
- Các Ủy viên UBND;
- Lưu: VT *VT*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Võ Thành Giàu

PHỤ LỤC I: BÁO CÁO ƯỚC THỰC HIỆN THU THÁNG 6 VÀ KẾ HOẠCH THÁNG 7 NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số 11/BC-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Bàu Bàng)



ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Dự toán Tỉnh giao 2022	Dự toán Huyện giao 2022	Ước thực hiện tháng 6 năm 2022	Lũy kế tháng 6 năm 2022	Ước thực hiện tháng 7 năm 2022	Lũy kế tháng 7 năm 2022	So sánh			
							4/2	4/3	6/2	6/3
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Tổng thu ngân sách huyện (A+B-I)	995.605	1.006.605	71.485	582.489	68.135	650.624	7,18%	7,10%	65,35%	64,64%
A. Tổng thu ngân sách nhà nước từ SXKD trên địa bàn	612.435	612.435	39.485	390.489	36.135	426.624	6,45%	6,45%	69,66%	69,66%
1. Thuế ngoài quốc doanh	247.292	247.292	5.735	207.070	7.015	214.085	2,32%	2,32%	86,57%	86,57%
- Thuế giá trị gia tăng	64.786	64.786	4.500	37.573	5.500	43.073	6,95%	6,95%	66,49%	66,49%
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	182.152	182.152	1.200	168.614	1.500	170.114	0,66%	0,66%	93,39%	93,39%
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	47	47	5	44	5	49	10,64%	10,64%	104,26%	104,26%
- Thuế tài nguyên	307	307	30	136	10	146	9,77%	9,77%	47,56%	47,56%
- Khác			20	703		703				
2. Thuế trước bạ	24.000	24.000	2.500	12.739	2.000	14.739	10,42%	10,42%	61,41%	61,41%
3. Thuế sử dụng đất nông nghiệp				0		0				
4. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.300	1.300	100	770	120	890	7,69%	7,69%	68,46%	68,46%
5. Thu tiền cho thuê đất, mặt nước	153.143	153.143	500	12.083	1.000	13.083	0,33%	0,33%	8,54%	8,54%
Trđó: thu tiền cho thuê đất, mặt nước ngoài khu CN	153.143	153.143	500	12.083	1.000	13.083	0,33%	0,33%	8,54%	8,54%
6. Thu tiền sử dụng đất	105.000	105.000	22.000	96.336	15.500	111.836	20,95%	20,95%	106,51%	106,51%
7. Thu phí và lệ phí (bao gồm lệ phí môn bài do huyện quản lý)	6.700	6.700	150	3.724	2.500	6.224	2,24%	2,24%	92,90%	92,90%
Trđó: Huyện TTQL	6.700	6.700	60	1.490	500	1.990	0,90%	0,90%	29,70%	29,70%
8. Thuế thu nhập cá nhân	55.000	55.000	6.000	43.510	5.000	48.510	10,91%	10,91%	88,20%	88,20%
9. Thu khác ngân sách	20.000	20.000	2.500	14.257	3.000	17.257	12,50%	12,50%	86,29%	86,29%
Trđó: Huyện TTQL	20.000	20.000	1.000	5.703	1.200	6.903	5,00%	5,00%	34,51%	34,51%
10. Thu từ bán tài sản nhà nước										
11. Thu từ DNNN và ĐTNN										
B. Tổng thu cân đối NS địa phương	697.334	708.334	40.403	314.827	41.152	355.979	5,79%	5,70%	51,05%	50,26%
I. Tổng các khoản thu NSDP được hưởng theo phân cấp	314.164	314.164	8.403	122.827	9.152	131.979	2,67%	2,67%	42,01%	42,01%
1. Các khoản thu NSDP hưởng 100%	205.449	205.449	4.189	32.920	4.830	37.750	2,04%	2,04%	18,37%	18,37%
2. Thu phân chia theo tỷ lệ %	108.715	108.715	4.214	89.907	4.322	94.229	3,88%	3,88%	86,68%	86,68%
II. Thu bổ sung từ NS cấp trên thời kỳ ổn định giai đoạn 2017-2020	383.170	383.170	32.000	192.000	32.000	224.000	8,35%	8,35%	58,46%	58,46%
1. Bổ sung cân đối ngân sách	382.966	382.966	32.000	192.000	32.000	224.000	8,36%	8,36%	58,49%	58,49%
+ Bổ sung thời kỳ ổn định 2017-2020										
+ Bổ sung thêm giai đoạn 2017-2020	382.966	382.966	32.000	192.000	32.000	224.000	8,36%	8,36%	58,49%	58,49%
T/đó Bổ sung cân đối do hụt thu	382.966	382.966	32.000	192.000	32.000	224.000	8,36%	8,36%	58,49%	58,49%
2. Bổ sung có mục tiêu	204	204	0	0	0	0	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%
+ Bổ sung mục tiêu (NTM; TVT)										

Chi tiêu	Dự toán Tỉnh giao 2022	Dự toán Huyện giao 2022	Ước thực hiện tháng 6 năm 2022	Lũy kế tháng 6 năm 2022	Ước thực hiện tháng 7 năm 2022	Lũy kế tháng 7 năm 2022	So sánh			
							4/2	4/3	6/2	6/3
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
+ Bổ sung vốn mục tiêu khác (ATGT)	204	204					0,00%	0,00%	0,00%	0,00%
+ Bổ sung chế độ chính sách mới										
+ Bổ sung chi PCD Covid-19										
III. Thu kết dư	0	11.000	0	0	0	0				
+ Chi CCTL										
+ Chi đầu tư công (NTM XÃ TVT)		11.000								
+ Chi SC, BT, NC, CT, MR (Kết dư Các xã, TT)										
+ Huy động CCTL chi PCD Covid-19										
+ Kết dư										
IV. Thu chuyển nguồn										
V. Thu chuyển giao cấp xã										
Cân đối ngân sách										
Tổng thu	697.334	708.334	40.403	314.827	41.152	355.979	5,79%	5,70%	51,05%	50,26%
50% tăng thu dự toán năm 2022 so với dự toán năm 2021 dành nguồn CCTL										
Tổng thu cân đối	697.334	708.334	40.403	314.827	41.152	355.979	5,79%	5,70%	51,05%	50,26%
Tổng chi cân đối	697.334	708.334	53.000	422.894	49.890	319.330	7,60%	7,48%	45,79%	45,08%
Bội thu (+) Bội chi (-)	0	0	-12.597	-108.067	-8.738	36.649				

PHỤ LỤC II: BÁO CÁO ƯỚC THỰC HIỆN CHI THÁNG 6, KẾ HOẠCH THÁNG 7 NĂM 2022
(Kèm theo Báo cáo số 77/BC-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Bàu Bàng)

ĐVT: Triệu đồng

Chi tiêu	Dự toán Finh giáo 2022	Dự toán Huyện giao năm 2022	Ước thực hiện tháng 6 năm 2022	Lũy kế tháng 6 năm 2022	Ước thực hiện tháng 7 năm 2022	Lũy kế tháng 7 năm 2022	So sánh			
							4/2	4/3	6/2	6/3
<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>
Tổng chi	697.334	708.334	53.000	269.440	49.890	319.330	7,60%	7,48%	45,79%	45,08%
Tổng chi ngân sách địa phương (I+II+III+IV+V)	697.130	708.334	53.000	269.440	49.890	319.330	7,60%	7,48%	45,81%	45,08%
I/ Chi đầu tư phát triển	108.646	118.646	10.600	57.402	4.100	61.502	9,76%	8,93%	56,61%	51,84%
- Vận phân cấp theo tiêu chí	108.646	108.646	10.600	50.245	3.500	53.745	9,76%	9,76%	49,47%	49,47%
- Vận ngân sách huyện		10.000		7.157	600	7.757		0,00%		77,57%
- Bổ sung có mục tiêu										
II/ Chi thường xuyên	574.725	573.688	42.400	212.038	45.790	257.828	7,38%	7,39%	44,86%	44,94%
1. Chi sự nghiệp kinh tế	127.673	61.800	1.100	2.777	4.740	7.517	0,86%	1,78%	5,89%	12,16%
- Chi sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi		12.000	550	1.591	1.000	2.591		4,58%		21,59%
- Chi sự nghiệp giao thông		20.000	200	388	2.000	2.388		1,00%		11,94%
- Chi kiến thiết thị chính		2.800	50	150	150	300		1,79%		10,71%
- Chi SN môi trường	35.110	22.000	200	448	1.500	1.948	0,57%	0,91%	5,55%	8,85%
- Chi sự nghiệp kinh tế khác		5.000	100	200	90	290		2,00%		5,80%
2. SN giáo dục - đào tạo dạy nghề	166.459	200.000	14.430	75.470	13.500	88.970	8,67%	7,22%	53,45%	44,49%
- Sự nghiệp giáo dục				0		0				
- Sự nghiệp giáo dục - đào tạo dạy nghề				0		0				
3. SN Y Tế	21.630	33.000	3.600	14.694	3.500	18.194	16,64%	10,91%	84,11%	55,13%
4. Chi SN VH TT	7.321	9.000	530	2.466	550	3.016	7,24%	5,89%	41,20%	33,51%
- SN VH TT	5.806	6.500	310	1.012	400	1.412	5,34%	4,77%	24,32%	21,72%
- SN TDTT	1.515	2.500	220	1.454	150	1.604	14,52%	8,80%	105,87%	64,16%
5. SN Phát thanh truyền hình	5.672	2.500	200	847	250	1.097	3,53%	8,00%	19,34%	43,88%
6. SN khoa học công nghệ	700	4.000	100	1.015	500	1.515	14,29%	2,50%	216,43%	37,88%
7. Chi đảm bảo xã hội	27.173	28.000	2.600	14.077	3.000	17.077	9,57%	9,29%	62,85%	60,99%
8. Chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể	80.929	68.000	7.420	21.050	4.500	25.550	9,17%	10,91%	31,57%	37,57%
- Quản lý nhà nước										
- Đảng										
- Đoàn thể và các tổ chức xã hội										
9. Chi an ninh quốc phòng	49.428	27.000	4.900	10.323	3.500	13.823	9,91%	18,15%	27,97%	51,20%
- An ninh	20.453	12.000	1.100	2.017	1.000	3.017	5,38%	9,17%	14,75%	25,14%
- Quốc phòng	28.975	15.000	3.800	8.306	2.500	10.806	13,11%	25,33%	37,29%	72,04%
10. Chi khác ngân sách	87.740	14.436	20	211	250	461	0,02%	0,14%	0,53%	3,19%

Chi tiêu	Dự toán Tỉnh giao 2022	Dự toán Huyện giao năm 2022	Ước thực hiện tháng 6 năm 2022	Lũy kế tháng 6 năm 2022	Ước thực hiện tháng 7 năm 2022	Lũy kế tháng 7 năm 2022	So sánh			
							4/2	4/3	6/2	6/3
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>
11. Chi NS xã		125.952	7.500	69.108	11.500	80.608		5,95%		64,00%
III/Chi tạm ứng										
IV/ Chi chuyển nguồn										
V/ Dự phòng	13.759	16.000		0		0				
- Dự phòng huyện	13.759	13.410								
- Dự phòng xã, TT		2.590								
B. Chi tạo nguồn CCTL										
C. Chi bổ sung cho NS cấp dưới										
1. Bổ sung cân đối										
2. Bổ sung có mục tiêu										
D. Chi các chương trình mục tiêu quốc gia (Từ nguồn NS cấp tỉnh BS có mục tiêu)										
- Kinh phí ATGT	204	0		0		0				